
Bản án số: 33/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 16-10-2019
“V/v ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Đặng Nguyễn Phương Chi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Duyên
2. Ông Võ Thanh Hải

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Anh Kim - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An

Ngày 16 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 178/2019/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2019 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Phan Thị Thanh L, sinh năm: 1994

Nơi cư trú: ấp Ngọc Ân, xã HTT, huyện T, tỉnh Long An

2. Bị đơn: ông Lê Quốc T, sinh năm: 1987

Nơi cư trú: ấp Ngọc Ân, xã HTT, huyện T, tỉnh Long An

(Bà L có mặt tại phiên tòa. Ông T vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Phan Thị Thanh L trình bày:

Bà và ông Lê Quốc T chung sống với nhau từ năm 2012, đến năm 2014 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, thị xã N, tỉnh Tây Ninh. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc. Đến khoảng năm 2016 thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông T thường xuyên uống rượu, về nhà vô cớ chửi, đánh đập, hành hạ bà và các con nhiều lần. Đã nhiều lần ông T đánh bà gây thương tích bầm mắt, sưng phù đầu. Việc ông T đánh đập, hành hạ bà thì gia đình hai bên đều biết. Bà đã cho ông T nhiều cơ hội để sửa đổi tính tình, ông T hứa sẽ sửa đổi nhưng ông T vẫn không sửa đổi. Lần gần đây nhất, ông T đi nhậu về nhà chửi bới, dùng dao tự chế rượt đuổi dọa chém bà và hai con. Bà van xin ông T, rồi tìm đường chạy thoát thân, nhờ bà con hàng xóm can ngăn. Hiện tại bà và hai con không dám ở chung nhà với ông T mà về sống chung nhà với anh ruột của bà. Bà xét thấy ông T vẫn không thay đổi tính tình, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên bà yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: bà và ông T có 02 con chung:

1/ Lê Thị Bảo Ân, sinh ngày 13/11/2012

2/ Lê Quốc Bảo, sinh ngày 11/4/2014

Hai con chung hiện nay do bà trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, bà yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Theo bản tự khai ngày 27 tháng 8 năm 2019, bị đơn Lê Quốc T trình bày:

Về thời gian chung sống, đăng ký kết hôn cũng như về mâu thuẫn vợ chồng đúng như bà L đã trình bày. Do ông thường xuyên uống rượu về nhà vô cớ chửi bới, đánh đập vợ con nhiều lần nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Bà L cũng đã cho ông nhiều cơ hội nhưng ông vẫn không sửa đổi tính tình. Lần gần đây nhất ông có uống nhiều rượu, về nhà đánh đập bà L. Ông có dùng dao tự chế rượt đuổi, dọa giết bà L và hai con. Hiện bà L cùng các con đã

về sống chung nhà với anh ruột của bà L. Do có nhiều mâu thuẫn vợ chồng nhưng ông còn thương vợ con nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: ông và bà L có 02 con chung:

1/ Lê Thị Bảo A, sinh ngày 13/11/2012

2/ Lê Quốc B, sinh ngày 11/4/2014

Hai con chung hiện nay do bà L trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và lời trình bày như đã nêu trên. Bị đơn vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp về việc ly hôn giữa nguyên đơn Phan Thị Thanh L với bị đơn Lê Quốc T là tranh chấp về hôn nhân và gia đình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Tại phiên tòa, bị đơn Lê Quốc T vắng mặt không lý do. Tuy nhiên ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng ông T vẫn vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Bà L và ông T chung sống với nhau từ năm 2012, đến năm 2014 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ninh Sơn, thị xã Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc nhưng đến năm 2016 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông T thường xuyên uống rượu, về nhà vô cớ xúc phạm, chửi bới, đánh đập bà L nhiều lần, có lần gây thương tích cho bà L. Bà L đã cho nhiều cơ hội để ông T sửa đổi tính tình nhưng ông T vẫn không sửa đổi. Gần đây nhất, cách nay khoảng 02 tháng, sau khi uống rượu về nhà, ông T đã dùng dao tự chế rượt đuổi dọa giết bà L và hai con. Do có nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống gia đình nên bà L và hai con

đã về sống chung nhà với anh ruột bà L tại xã X, huyện M, tỉnh ĐồngTháp, giữa bà L và ông T cũng đã ly thân từ đó cho đến nay. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, ông T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật. Ông T có tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 11/9/2019, đồng thời ông T có thể hiện ý kiến cho rằng còn thương bà L nên không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên từ khi bà L nộp đơn khởi kiện đến Tòa án cho đến nay, ông T không có thiện chí và giải pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Trong thời gian bà L và ông T ly thân thì mỗi người có cuộc sống riêng, không ai quan tâm, lo lắng, chăm sóc cho ai. Tại phiên tòa, bà L không đồng ý đoàn tụ gia đình mà kiên quyết ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy, trong quá trình chung sống, ông T đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L, bà L được ly hôn với ông T.

Về con chung: bà L và ông T có hai con chung tên: Lê Thị Bảo A, sinh ngày 13/11/2012 và Lê Quốc B, sinh ngày 11/4/2014. Khi ly hôn, bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, hai con chung hiện đang do bà L trực tiếp nuôi dưỡng, cháu Lê Thị Bảo A (07 tuổi) có nguyện vọng sống với mẹ, hơn nữa ông T cũng không tranh chấp nuôi con chung. Vì vậy, để ổn định cuộc sống cho các con chung, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của bà L về việc giao hai con chung cho bà L được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Bà L không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung, xét thấy đây là sự tự nguyện của bà L nên Hội đồng xét xử cần ghi nhận.

Về tài sản chung, nợ chung: bà L và ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: bà L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Ông T không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Thanh L.

Bà Phan Thị Thanh L được ly hôn với ông Lê Quốc T.

Về con chung: bà Phan Thị Thanh L được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung tên: Lê Thị Bảo A, sinh ngày 13/11/2012 và Lê Quốc B, sinh ngày 11/4/2014.

Ông Lê Quốc T không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung.

Sau khi ly hôn, ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: bà L và ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: bà Phan Thị Thanh L có nghĩa vụ chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà L đã nộp theo biên lai thu số 0000565 ngày 27 tháng 8 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T sang án phí, bà L không phải nộp thêm. Ông Lê Quốc T không phải chịu án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa T thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- TAND tỉnh Long An;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Nguyễn Phương Chi